

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 249/2024/HS-ST

Ngày: 23-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 198/2024/TLST-HS ngày 09/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HS ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 425/2024/HSST-QĐ ngày 10/5/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình C, sinh năm 1968 tại Nghệ An. Nơi đăng ký thường trú: 45D, tổ I, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú hiện nay: Hẻm A, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình N, đã chết và bà Nguyễn Thị G, đã chết; Bị cáo là con thứ 03 (Ba) trong gia đình có 05 (Năm) anh em; Vợ: Phạm Thị S, sinh năm 1976 có 02 (Hai) con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Bị cáo - có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Cháu Bùi Thị Thùy T, sinh ngày 19/8/2005 (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Phạm Thị Kim D; sinh năm: 1976 và ông Bùi Văn T1, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D, ông T1 - có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình C có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 14 giờ 48 phút ngày 11/5/2023, C điều khiển xe mô tô biển số: 60X5 – 5756 có dung tích xi lanh 97cm³ lưu thông trên đường Đ hướng từ ngã tư T đi huyện V. Khi C điều khiển xe đến tổ A, khu phố A, phường T, thành phố B thì C cho xe mô tô chuyển hướng sang đường (từ phải qua trái theo hướng xe Cường) tới trước Phòng khám “An Phúc” thuộc khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do C điều khiển xe chuyển hướng sang đường thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn nên đã để phía trước bên phải xe mô tô biển số 60X5 – 5756 đụng vào phía trước bên trái xe mô tô biển số 60FA-0770 do chị Bùi Thị Thùy T (sinh năm 2005, ngụ tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai) điều khiển đang lưu thông theo hướng huyện V đi ngã tư T gây tai nạn giao thông.

Hậu quả: chị Bùi Thị Thùy T tử vong.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình C thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường đã thu thập được các dấu vết như sau: Tất cả các dấu vết đều thu thập được đo vào mép đường bên phải, hướng huyện V đi ngã tư T làm chuẩn (gọi tắt là lề phải), trụ điện số 9 bên lề phải làm mốc.

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường Đ thuộc khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, được trải nhựa bằng phẳng, mặt đường rộng 11m50, được phân chia làm 03 làn đường dành cho xe lưu thông cùng chiều, làn xe hỗn hợp rộng 04m50, làn xe ô tô tải và xe khách rộng 03m50, làn xe ô tô con rộng 03m50 có vạch sơn đứt quãng phân chia làn đường, mép đường bên trái là dải phân cách có điểm mở, mép đường bên phải giao nhau với hẻm F, khu phố H, phường T, thành phố B có nhà dân sinh sống. Vị trí dấu vết được đánh số và mô tả như sau:

+ Số 1 là vị trí xe mô tô biển số 60FA – 0770: ngã nghiêng về bên phải trên đường, đầu xe quay hướng giữa đường (lề trái), đuôi xe quay hướng ngược lại. Trụ bánh trước cách lề phải là 03m50; Trụ bánh sau cách lề phải là 02m30.

+ Số 2 là vị trí xe mô tô biển số 60X5 – 5756: Xe ngã nghiêng bên phải, đầu xe hướng lề trái, đuôi xe quay hướng lề phải. Trụ bánh trước cách lề phải là 03m35. Trụ bánh sau cách lề phải là 02m35 và cách tâm trụ bánh sau của xe số 1 là 01m20.

+ Số 3 là trụ điện số 09 bên lề phải, cách trụ bánh sau xe số 2 là 22m10.

- Tại Bản kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 337/KLTTHS-TTPYĐN ngày 22/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận nguyên nhân tử vong của chị Bùi Thị Thùy T như sau:

Nguyên nhân tử vong của Bùi Thị Thùy T – sinh năm 2005 do chấn thương sọ não hậu quả của tai nạn giao thông: Tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải, dọc liềm não, lều tiểu não hai bên; Xuất huyết dưới nhện rải rác bán cầu phải, bề quanh cuốn cầu não; Não thất bên phải bị ép; Đường giữa di lệch sang trái.

Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu: 0.0 mg/dl (xét nghiệm sinh hóa).

- Tại Bản kết luận giám định số 4279/KL-KTHS ngày 14/7/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C1, kết luận dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 60X5-5756 và xe mô tô biển số 60FA-0770 như sau:

Dấu vết trượt xước, sạch bụi, bám chất màu đen các chi tiết phía trước bên trái xe mô tô biển số 60FA – 0770 (cần gương chiếu hậu, má đùm, trục trước, giảm xóc trước, yếm chắn gió) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước, sạch bụi, bám chất màu trắng các chi tiết phía trước bên phải xe mô tô biển số: 60X5 – 5756 (bánh trước, ốp nhựa đầu xe, giảm xóc, trục trước) có chiều từ phải sang trái, từ sau về trước, dấu vết trên bánh xe có chiều từ tâm ra mặt lặn.

- Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ và giao trả:

+ Xe mô tô biển số 60X5-5756 cho chị Phạm Thị S (vợ bị cáo C) là chủ sở hữu.

+ Xe mô tô biển số: 60FA – 0770 cho anh Bùi Minh T2 (anh ruột chị T) là chủ sở hữu.

- 01 đĩa VCD chứa dữ liệu vụ tai nạn giao thông (lưu kèm hồ sơ vụ án).

- Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đình C đã bồi thường chi phí mai táng và các tổn thất khác cho gia đình nạn nhân Bùi Thị Thùy T với tổng số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Anh Bùi Văn T1 (đại diện hợp pháp gia đình nạn nhân) đã có đơn bãi nại.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi đúng như nội dung Cáo trạng đã thể hiện, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản nội dung Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C với mức hình phạt tù: 12 tháng đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Hai bên đã giải quyết xong nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Phạm Thị Kim D và ông Bùi Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D, ông T1.

[3]. Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

[3.1]. Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, các biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, các kết luận giám định, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 14 giờ 48 phút ngày 11/5/2023, tại đoạn thuộc khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đường Đ, bị cáo Nguyễn Đình C điều khiển xe mô tô biển số: 60X5 – 5756 chuyển hướng sang đường thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn nên đã đề phía trước bên phải xe mô tô biển số 60X5 – 5756 đụng vào phía trước bên trái xe mô tô biển số 60FA-0770 do chị Bùi Thị Thùy T điều khiển gây tai nạn. Hậu quả: chị Bùi Thị Thùy T tử vong.

[3.2]. Hành vi của bị cáo C đã vi phạm khoản 23 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ và đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố bị cáo C theo Cáo trạng số 208/CT-VKSBH ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có cơ sở, đúng người và đúng tội.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân, làm mất trật tự xã hội tại địa phương.

[5]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[5.1]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại, đã được gia đình bị hại làm đơn bãi nại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt, bố mẹ bị cáo là người tham gia kháng chiến chống Mỹ và được tặng Huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo được tặng Bằng khen của Ban, địa phương xác nhận bị cáo là lao động chính và gia đình hoàn cảnh khó khăn nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2]. Xét thấy, bị cáo C có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Trong đó có 02 (Hai) tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự), có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục và đồng thời cũng thể hiện được sự nhân đạo của pháp luật.

[6]. Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Gia đình bị hại đã tự nguyện làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không ai có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Đình C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C: **01 (một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình C cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Ủy ban nhân dân phường (xã) của bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công

